

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo mua sắm: **Thuốc generic và thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền cho nhà thuốc bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải năm 2025-2026**, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - + Họ tên: Nguyễn Văn Chung - Chức vụ: Trưởng khoa Dược
  - + Số điện thoại: 0374707463
  - + Email: [khoaduocbvnth@gmail.com](mailto:khoaduocbvnth@gmail.com)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Bảng báo giá (ký, đóng dấu) kèm hồ sơ năng lực (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) kèm hồ sơ sản phẩm (Catalog, giấy phép lưu hành sản phẩm) gửi về địa chỉ: Khoa Dược – BVĐK Nam Tiền Hải (Thôn Vĩnh Trà, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên).
  - File mềm (excel): gửi về email: [khoaduocbvnth@gmail.com](mailto:khoaduocbvnth@gmail.com)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00p ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến trước 08h00p ngày 05 tháng 12 năm 2025.  
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thuốc generic (chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm) và Danh mục thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền (chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm).
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải, địa chỉ thôn Vĩnh Trà, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của nhà thuốc
- Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Xin cảm ơn sự hợp tác của các quý vị./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KD.



BSCKI: LÊ SINH

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THUỐC GENERIC**  
**(KÈM THEO YÊU CẦU BÁO GIÁ SỐ: 192/YC-BVNTH NGÀY 25/11/2025 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM TIỀN HẢI)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
1	Strepsils Throat Irritation & Cough	2,4-Dichlorbenzyl Alcohol + Amylmetacresol	1,2mg + 0,6mg	Ngậm	Viên ngậm	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	480
2	Acetazolamid	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên nén	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	Viên	500
3	Tanganil 500mg/5ml	Acetylleucine	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Haupt Pharma	Pháp	Ống	1000
4	Tanganil 500mg	Acetylleucine	500mg	Uống	Viên nén	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	viên	500
5	Mediclovir	Aciclovir	3%, 5g	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	50
6	Aspirin - 100	Acid acetylsalicylic	100mg	Uống	Viên bao tan trong ruột	Công ty TNHH Traphaco Hung Yên	Việt Nam	Viên	1500
7	MG-Tan Inj	Acid amin + Glucose + Lipid	Glucose 11,0%; Acid amin 11,3%; Lipid 20,0%.	Dịch tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	MG Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 1 túi 360ml	60
8	Morihepamin	Acid amin*	(0,920g + 0,945g + 0,395g + 0,044g + 0,030g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,840g + 1,537g + 0,020g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,040g + 0,540g)/100ml; 7,58%	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Bịch	200
9	VENRUTINE	Acid ascorbic; Rutin	50mg; 50mg	Uống	Viên nén bao đường	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	viên	500
10	Fucidin	Acid Fusidic 2%, 15g	2% (w/w)	Dùng ngoài	Tuýp	Leo Laboratories Limited	Ireland	Tuýp	30



STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
11	Dibetalic	Acid salicylic + Betamethason dipropionat	(0.45g+9.6mg)/ 15g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Tuýp	50
12	Medskin Clovir 800	Acyclovir	800mg	Uống	viên nén	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	900
13	Xatral 10mg	Alfuzosin HCl	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Sanofi Winthrop Industrie	France	Viên	300
14	VINMAGEL	Almagat	1g/7,5 ml	Uống	Hỗn dịch uống	Vĩnh Phúc	Việt Nam	Gói	1200
15	VINMAGEL PLUS	Almagat	1,5g/15ml	Uống	Hỗn dịch uống	Vĩnh Phúc	Việt Nam	Gói	1200
16	CTTmosin	Alpha chymotrypsin	8400 đơn vị USP	Uống	viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	2000
17	Alpha Choay Sanofi H/30V	Alpha chymotrypsin	21microkatal	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	2400
18	Alphatab	Alphachymotrypsin	8400 đơn vị USP	Uống	viên nén	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Viên	4000
19	Halixol	Ambroxol hydrochloride	30mg	Uống	Viên nén	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	600
20	Halixol	Ambroxol hydrochloride	15mg/5ml	Uống	Siro	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 lọ 100ml	100
21	Apitim 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 10 mg	5 mg	Uống	viên nang cứng	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	12000
22	Hagimox capsules	Amoxicilin (Dưới dạng amoxicilin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	3000
23	Hagimox 250	Amoxicilin (Dưới dạng amoxicilin trihydrat)	250mg	Uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
24	Klamentin 250/31.25	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	250mg + 31,25mg	Uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200
25	Klamentin 500/62.5	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	500mg + 62,5mg	Uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200
26	Klamentin 875/125	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	875mg + 125mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	700
27	Augmentin 1g	Amoxicilin, Kali clavulanat	1g	Uống	Viên nén bao phim	GSK	Anh	Viên	420
28	Pharmox IMP 250mg	Amoxicillin	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	1200
29	Augmentin 250/31.25 Sac 250mg 12's	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Gói	360
30	Atropin sulfat 0,25 mg	Atropin sulfat	0,25mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tà	Việt Nam	Viên	1000
31	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Lọ	50
32	Zaromax 100	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	100 mg	Uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200
33	Enterogermina	Bacillus clausii	2 tỷ/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	SANOFI	Ý	Ống	2000
34	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	viên	1000
35	Gentrisone	Betamethason/gentamycin/clotrimazol	6.4mg/100mg/10mg	Dùng ngoài	Tuýp 10g	Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Tuýp	100

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
36	Diprospan	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	5mg/ml + 2mg/ml	Tiêm	Hỗn dịch để tiêm	Organon Heist bv	Bi	Lọ	500
37	Daleston-D	Betamethasone + dexchlorpheniramin maleat	(3,75mg + 30mg) /75ml	Uống	Siro	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Việt Nam	Lọ	50
38	BisacodylDHG	Bisacodyl	5mg	Uống	viên nén bao phim tan trong ruột	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
39	Subtyl	Bột chứa vi khuẩn Bacillus subtilis tương đương vi khuẩn Bacillus subtilis sống	1.000.000 - 10.000.000 CFU	Uống	Thuốc bột uống	Công ty cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Gói	1000
40	Bisolvon Kids	Bromhexine Hydrochloride	4mg/5ml x 60ml	Uống	Siro	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	50
41	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hit/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Ống	300
42	Pulmicort Respules	Budesonide	1mg/2ml	Hit/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Ống	300
43	Ketosteril	Các muối Calci dẫn xuất của acid amin và các acid amin	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	Bồ Đào Nha	viên	2000
44	PM NextG Cal	Canxi (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 120mg + Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 55mg + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS) 2mcg + Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD) 8mcg	120mg + 55mg + 2mcg + 8mcg	Uống	Viên nang cứng	Probiotec Pharma Pty., Ltd	Australia	Viên	1800
45	Abriocotis	Calcium ( dưới dạng Calcium carbonate 1500mg) 600mg + Vitamin D3 ( dưới dạng Colecalciferol 12.5mg) 500UI	1500mg + 500UI	Uống	Viên nén bao phim	Probiotec Pharma Pty., Ltd	Australia	Viên	3000
46	Canxiclorid	Canxiclorid	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Vinh Phúc	Việt Nam	Ống	600

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
47	Gintecin	Cao Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Đài Loan	Ống	1500
48	Carbamazepin 200 mg	Carbamazepin	200 mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	500
49	Haginat 125	Cefuroxim	125mg	Uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200
50	Haginat 250	Cefuroxim	250mg	Uống	Viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
51	Haginat 500	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
52	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	300
53	Zinnat 500mg	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	300
54	Negacef 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	500
55	Hapexin 500	Cephalexin	500mg	Uống	Viên nang cứng	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	3000
56	Hapexin 250 kids	Cephalexin	250 mg	Uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1200
57	Firstlexin	Cephalexin	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Gói	1000
58	Medoral (250 ml)	Chlorhexidin digluconat	0,5g/ 250ml	Súc miệng	Hộp 1 chai 250 ml	Merap	Việt Nam	Chai	100
59	Cifga	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid)	500mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	300
60	Vincolin	Citicolin	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1000
61	Citicolin A.T 1000mg/4ml	Citicolin	1g/ 4ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	900

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
62	Clabact 250	Clarithromycin	250mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	300
63	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g ; 0,05% (kl/kl)	Dùng ngoài	Tuýp	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Tuýp	50
64	Terpin - Codein HD	Codein + Terpin hydrat	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	1000
65	Colchicin 1mg	Colchicin	1mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	400
66	Sancoba	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	1mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	SANTEN	Nhật Bản	Lọ	30
67	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	5mg	Uống	Viên nén bao phim	CSSA: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSA: Mỹ, CSĐG và xuất	viên	1400
68	A.T Desloratadin	Desloratadin	2,5mg	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	500
69	Aerius	Desloratadine	0,5mg/ml	Uống	Siro	Organon Heist bv	Bi	Hộp 1 chai 60ml kèm thìa	50
70	Desno	Desloratadine	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
71	Marvelon	Desogestrel, Ethinylestradiol	0.15mg; 0.03mg	Uống	Viên nén	N.V. ORGANON	Hà Lan	Viên	1050
72	Maxitrol	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	SA Alcon-Couvreur NV	Bi	Lọ	100
73	Methorphan	Dextromethorphan Hbr + Loratadin + Guaiphenesin	10mg + 2,5mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	1500
74	Naomy	Dextromethorphan hydrobromid, Clorpheniramin maleat, Amoni Clorid, Glyceryl guaiacolate	Chai 30ml chứa: Amoni clorid 300mg; Clorpheniramin maleat 7,98mg; Dextromethorphan hydrobromide 30mg; Glyceryl guaiacolat 300mg	Uống	Siro	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Việt Nam	Chai	100

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
75	Voltaren Emulgel	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Ngoài da	Gel bôi ngoài da	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Tuýp	50
76	Voltaren 75mg/3ml	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	ống	600
77	Voltaren	Diclophenac	100mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	Viên	100
78	Smecta	Diosmectite	3 gam	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	500
79	DilodinDHG	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1000
80	Modom's	Domperidon	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
81	Motilium-M	Domperidone	10mg	Uống	Viên nén bao phim	OLIC (Thailand) Limited	Thái Lan	Viên	200
82	No-spa	Drotaverine hydrochloride	40mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	1500
83	Chiamin-S injection	D-Sorbitol 12,5g, Glycin 1117,5mg, L-Arginin HCl 750mg, L-Histidin HCl·H <sub>2</sub> O 345mg, L-Isoleucin 720mg, L-Leucin 817,5mg, L-Lysin HCl 902,5mg, L-Methionin 720mg, L-Phenylalanin 480mg, L-Threonin 480mg, L-Tryptophan 240mg, L-Valin 720mg	D-Sorbitol 12,5g, Glycin 1117,5mg, L-Arginin HCl 750mg, L-Histidin HCl·H <sub>2</sub> O 345mg, L-Isoleucin 720mg, L-Leucin 817,5mg, L-Lysin HCl 902,5mg, L-Methionin 720mg, L-Phenylalanin 480mg, L-Threonin 480mg, L-Tryptophan 240mg, L-Valin 720mg	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Taiwan	Chai	100
84	Avodart	Dutasteride 0.5mg	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty TNHH Dược Phẩm GSK Việt Nam	Việt Nam	Viên	200

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
85	Duphaston	Dydrogesteron	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Abbott Biologicals B.V.	The Netherlands	Viên	600
86	Kirestab	Epalrestat	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	viên	3000
87	Myonal 50 mg	Eperison hydroclorid 50 mg	50mg	Uống	Viên nén bao đường	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật Bản	Viên	1500
88	Nanokine	Erythropoietin	2000 IU, dạng alpha	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Bơm tiêm	360
89	Cap.Nesoumht 40mg	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt tan trong nước	Công ty CPDP An Thiên	Việt Nam	Viên	1500
90	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magie trihydrat)	40 mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	400
91	Troxipe	Esomeprazol magnesium + tinidazol + clarithromycin	40mg + 500mg + 500mg	Uống	Viên nén	Acme Formulation (P) Ltd	Ấn Độ	Kit	350
92	Emanera 20mg	Esomeprazole	20mg	Uống	Viên nang chứa pellet bao tan trong nước	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	280
93	Nexium	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm/Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Lọ	300
94	Lipanthyl 200mg	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang cứng	Lipanthyl 200mg	Pháp	viên	1000
95	Telfor 120	Fexofenadin HCL	120mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
96	Flumetholon 0,01	Fluorometholon	0,2mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	100
97	Strepsils Maxpro	Flurbiprofen	8.75mg	Ngậm	Viên ngậm	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	480
98	Fosmitic	Fosfomicin natri	30mg/1ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	50
99	FDP Medlac	Fructose 1,6 diphosphat	5g	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Lọ	50

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
100	Fucidin - H	Fusidic acid + hydrocortison	2% + 1%, 15g	Dùng ngoài	Kem	LEO Laboratories Ltd	Ireland	Tuýp	30
101	Fucicort	Fusidic acid; Betamethason (dưới dạng valerat)	2% (w/w); 0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem	Leo Laboratories Limited	Ireland	Tuýp	100
102	Gacopen 300	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	200
103	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đông	Viên	300
104	Tanakan	Ginkgo biloba extract	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	viên	600
105	Ginkomifa	Ginkgo biloba	17.5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	700
106	Tanakan	Ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên nén	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	viên	1000
107	Diamicron MR	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	viên	3000
108	Roitintab	Glucosamin sulfat + Chondroitin sulfat	750mg + 250mg	Uống	viên nén bao phim	Công ty CP dược phẩm công nghệ Cao Abipha	Việt Nam	Viên	900
109	Join-Flex	Glucosamine sulfate potassium chlorid complex	500mg	Uống	Viên nang cứng	Probiotec Pharma Pty., Ltd	Australia	viên	10200
110	A.T Glutathione 900 Inj	Glutathion	900mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	200
111	Stiprol	Glycerol	2,25g/ 3g; 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp 9gam	300
112	Stiprol	Glycerol	2,25g/ 3g; 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp 3gam	300
113	Salonsip	Glycol salisylat 1,25g; L-menthol 1g; dl-Camphor 0,3g; Tocopherol acetat 1g	1,25g + 1g + 0,3g + 1g	Dùng ngoài	Cao dán	Hitsamitsu	Việt Nam	Miếng	400
114	Human Albumin Baxter Inj 200g/1 50ml 1's	Human Albumin	200 g/l	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Takeda Manufacturing Austria A.G	Áo	Chai	100

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
115	Hydrocortison 5g Medipharco	Hydrocortison acetat	1%	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	50
116	Hydrocortisone	Hydrocortisone	0,15g	Dùng ngoài	Tuýp	Axcel	Malaysia	Tuýp	50
117	Ibuhadi suspension	Ibuprofen	100mg	Uống	Gói	Công ty DP Hà Tĩnh	Việt Nam	Gói(ống)	200
118	Kaleorid	Kali chlorid	600mg	Uống	Viên bao phim giải phóng chậm	Leo Pharmaceutical Products Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	Viên	500
119	LINEZIN	Kẽm ( dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	4mg /ml x 5ml	Uống	Siro uống	Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Ống	600
120	A.T Zinc siro	Kẽm Gluconat	20 mg (10 ml)	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	900
121	Nizoral cream	Ketoconazol	20mg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Olic (Thái Lan) Limited	Thái Lan	Tuýp 10g	50
122	Duphalac	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Gói	200
123	Nephrosteril	L-Alanin, L-Arginin, Amino-acetic acid (Glycin), L-Histidin, L-Isoleucin, L-Leucin, L-Lysin monoacetat (trùng trùng L-Lysin), L-Methionin, L-Phenylalanin, L-Prolin, L-Serin, L-Threonin, L-	250 mg	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Dung dịch tiêm truyền	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	760
124	Jafumin	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin+ L-valin+ L-tryptophan+ L-Histidin hydrochlorid monohydrat+ L-Methionin	320,3mg+ 203,9mg+ 291mg+320,3mg+ 145,7mg+ 233mg+ 72,9mg+ 216,2mg+ 320,3mg	Uống	Thuốc cốm	Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine	Việt Nam	Gói	3000
125	A.T Loperamid 2mg	Loperamid	2 mg	Uống	Viên nén phân tán	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1000
126	Loratadin 10mg	Loratadin	10mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	1000
127	Amricin	L-ornithin - L-aspartat	6g	Uống	Cốm pha hỗn dịch	Công ty Cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	Gói	750
128	Laknitol	L-ornithin L-Aspartate	5000mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	1200

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
129	Heparigen 5g Inj	L-Ornithine-L-Aspartate	5 gam	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Dai Han Pharm. Co., Ltd.	Việt Nam	Ống	360
130	Mezathin	L-ornithine-L-aspartate	500mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	viên	1000
131	Magne-B6 Boston	Magne lactat + Vitamin B6	470mg + 5mg	Uống	viên nén bao phim	BOSTON VN	Việt Nam	Viên	6000
132	Trimafort	Magnesi hydroxyd; Nhôm Hydroxyd; Simethicon	800,4mg; 612mg; 80mg	Uống	Hỗn dịch uống	Daewoong Pharmaceutical Co.,Ltd, Korea	Hàn Quốc	Gói	600
133	Reamberin	Meglumin natri succinat	1,5% x 400ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "POLYSAN", Ltd.	Nga	Chai	100
134	Mebilax 7,5	Meloxicam	7,5mg	Uống	viên nén	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1000
135	Salonpas	Methyl salicylat 6,29g; dl-Camphor 1,24g; L-Menthol 5,71g; Tocopherol acetat 2g	6,29g + 1,24g + 5,71g + 2g	Dùng ngoài	Cao dán	Hitsamitsu	Việt Nam	Miếng	400
136	Midasol	Methylene blue; Bromocamphor	20mg; 20mg	Uống	Viên nén bao đường	Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương	Việt Nam	viên	500
137	Medlon 16	Methylprednisolon	16mg	Uống	viên nén	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1000
138	Medlon 4	Methylprednisolon	4mg	Uống	viên nén	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1000
139	Medrol 16	Methylprednisolon	16mg	Uống	viên nén	PFIZER	Ý	Viên	300
140	Medrol 4	Methylprednisolon	4mg	Uống	viên nén	PFIZER	Ý	Viên	300
141	Solu-Medrol	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat) 125mg	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông khô pha tiêm	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	Lọ	500
142	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat	25mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	AstraZeneca AB	Thụy Điển	viên	1300
143	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol tartrate	50mg	Uống	Viên nén	AstraZeneca AB	Thụy Điển	viên	280

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
144	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
145	Metrogyl denta	Metronidazol	10mg/g, tube 10g	Bôi nha khoa	Gel bôi nha khoa	Unique Pharmaceuticals Laboratories (A Div. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	Ấn Độ	Tuýp	30
146	Daktarin oral gel	Miconazole	200mg/10g	Đánh tưa lưỡi	Gel rơ miệng	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Tuýp	50
147	Misoprostol Stella 200mcg	Misoprotol	200mcg	Uống	Viên nén	STELLA	Việt Nam	Viên	300
148	Hồ nước	Mỗi 17 gam hỗn dịch chứa: Kẽm oxyd 3,4g; Calci carbonat 3,4g	3,4g; 3,4g	Bôi ngoài da	Hỗn dịch dùng ngoài	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	lọ	100
149	Vitaplex injection	Mỗi 500ml chứa: Acid ascorbic 500mg; Dextrose 25g; Nicotinamid 625mg; Dexpantenol 250mg; Pyridoxin HCl 25mg; Riboflavin (dưới dạng riboflavin natri phosphat) 25mg; Thiamin HCl	500mg, 25g, 625mg, 250mg, 25mg, 25mg, 125mg	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Đài Loan	Chai	50
150	Claminat 500mg/125mg	Mỗi gói 1,5g chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	500mg + 125mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Gói	1200
151	Coldi-B	Mỗi lọ 15 ml chứa: Oxymetazolin hydroclorid 7,5 mg; Menthol 1,5 mg; Camphor 1,1 mg	15ml	Đường hô hấp	Dung dịch xịt mũi	Nam Hà	Việt Nam	Lọ	50
152	Golistin-Enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(19g + 7g)/118ml, dung tích 133ml	Thụt hậu môn - trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 133ml	100
153	Vigamox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	5mg/1ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Alcon	Hoa Kỳ	Lọ	50
154	Vigadexa	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) + Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason dinatri phosphat)	5mg/ml + 1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	NEOLAB SOLUCOES FARMACEUTICAS ESTEREIS DO BRASIL LTDA.	Brazil	Lọ	100
155	Derimucin	Mupirocin	2% x 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Tuýp	50
156	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin	7,5mg/15ml, dung tích 15ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ	30
157	Denicol	Natri borat	20%	Bôi ngoài da	Lọ	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	Việt Nam	Lọ	50
158	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	90mg/10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mũi	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Lọ	3000

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
159	Nasomom- 4 tinh dầu	Natri clorid	810mg/90ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	Hộp 1 chai 90ml	50
160	Nasomom Clean & Clear	Natri clorid	630mg/70ml	Xịt mũi	Dung dịch vệ sinh mũi	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai	Việt Nam	Hộp 1 chai x 70ml	100
161	Difen Plaster	Natri diclofenac	15mg	Dùng ngoài	Miếng dán phóng thích qua da	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Miếng	420
162	Sanlein 0.1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	SANTEN	Nhật Bản	Lọ	100
163	Nystafar	Nystatin	1000000 iu	Bôi	Tuýp	PHARMEDIC	Việt Nam	Type	50
164	Ofloxacin 0.3% LQ 6ML	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Lọ	50
165	Omeprazol DHG	Omeprazol	20mg	Uống	viên nang	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	1200
166	Omeprazole STADA 40mg	Omeprazol (dưới dạng vi hạt chứa Omeprazol 12,5%)	40mg	Uống	Viên nang cứng	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	Viên	500
167	Luotai	Panax notoginseng saponins	100 mg	uống	Viên nang mềm	KPC Pharmaceuticals, Inc	Trung Quốc	viên	1000
168	Luotai	Panax notoginseng saponins	200mg	Tiêm/Truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm/truyền tĩnh mạch	KPC Pharmaceuticals, Inc	Trung Quốc	Lọ	500
169	Hapacol 150	Paracetamol	150mg	Uống	thuốc bột sủi bọt	Hậu Giang	Việt Nam	Gói	480
170	Hapacol 250	Paracetamol	250mg	Uống	thuốc bột sủi bọt	Hậu Giang	Việt Nam	Gói	480
171	Hapacol Blue	Paracetamol	500mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	500
172	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	UPSA SAS	Pháp	Viên	500
173	Efferalgan	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	UPSA SAS	Pháp	Viên	500

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
174	Efferalgan	Paracetamol	80mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	UPSA SAS	Pháp	Viên	500
175	Panadol Extra	Paracetamol + Caffein	500mg + 65mg	Uống	Viên nén	GSK	United	Viên	2500
176	Panadol cảm cúm	Paracetamol + Caffeine + Phenylephrine hydrochloride	500mg + 25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	GSK	United	Viên	1500
177	Hapacol pain	Paracetamol + Ibuprofen	500mg + 200mg	Uống	viên nén	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1000
178	Decolgen Forte	Paracetamol + Phenylephrine HCl + Chlorpheniramine maleate	500mg + 10mg + 2mg	Uống	Viên nén	United pharma	Việt Nam	Viên	1000
179	Hapacol 325 Flu	Paracetamol; Clorpheniramin maleat	325mg + 2mg	Uống	thuốc bột sủi bột	Hậu Giang	Việt Nam	Gói	480
180	Cerebrolysin 5ml	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch để tiêm, dung dịch 45mg/45ml	Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH (Cơ sở trộn và đóng gói Ever Pharma Jena GmbH, Germany)	Austria	Ống	500
181	Cerebrolysin 10ml	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml, dung tích 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm và truyền	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH   Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH	Cơ sở trộn và đóng gói:	Ống 10ml	1100
182	Daflon	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	300
183	Livolin H	Phospholipid đậu nành (Phosphatidyl choline)	300mg	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thái Lan	viên	1000
184	AGICETAM 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hoà	Việt Nam	Viên	1000
185	Vinphacetam	Piracetam	1,2g/6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1000
186	DECAZONE 12G/60ML	Piracetam	12g/60ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty CPDP Am Vi	Việt Nam	Bịch	50
187	Neni 800	Piracetam	800mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1200

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
188	Systane Ultra	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Alcon	Hoa Kỳ	Lọ	50
189	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kl/tt	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Chai 125ml	50
190	DANAPHA PVP- IODINE 10%	Povidon iodine	10% (v/w)	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 20ml	200
191	Utrogestan 200mg	Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	200mg	Uống, đặt âm đạo	Viên nang mềm dùng uống hoặc đặt âm đạo	Cyndeia Pharma S.L	Spain	Viên	400
192	Raxium 20	Rabeprazol natri (dưới dạng Rabeprazol natri htdrat)	20mg	Uống	viên nén bao tan trong ruột	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	300
193	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg	Uống	Thuốc bột uống	Sophartex	France	Gói	480
194	Vinsalmol 5mg	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	1000
195	VINSALMOL 5 (DD khí dung)	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	5mg/2,5ml	Thở khí dung	Ống BFS	Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	500
196	Ferrovin	Sắt (dưới dạng Sắt sucrose (hay dextran))	100mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Rafarm S.A	Hy Lạp	Ống	200
197	Polyhema	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	5mg/ml, dung tích 10ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần Dược Vật Tư Y Tế Hà Nam	Việt Nam	Ống	4000
198	Silymax - F	Silymarin	140mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	viên	6000
199	Abgalic Fort	Silymarin	140mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ Phần US Pharma USA	Việt Nam	Viên	3000
200	Agimdogyl	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CP DP Agimexpharm - NMSXDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	800
201	Rodogyl	Spiramycin + metronidazol	750000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Sanofi S.R.L.	Italy	Viên	600
202	ZidocinDHG	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	600

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
203	Verospiron 25mg	Spirolactone	25mg	Uống	Viên nén	Gedeon Richter Plc	Hungary	viên	400
204	Trimeseptol 0.48g	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hà Tây	Việt Nam	Viên	3000
205	Guacanyl	Terbutalin sulfat+Guaiphenesin	(1,5mg+66,5mg)/5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	1000
206	Vinrovit 5000	Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Cyanocobalamin	50mg+250mg+5mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	1000
207	VINROVIT FORTE	Thiamin mononitrat (B1) 100mg, Pyridoxin hydroclorid (B6) 50mg, Cyanocobalamin (B12) 0,5mg	100mg+50mg+0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	15000
208	Althax	Thymomodulin	120 mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.	Việt Nam	Viên	1500
209	Thytodux	Thymomodulin	60mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Ống	1000
210	Tobrex	Tobramycin	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Alcon	Hoa Kỳ	Lọ	30
211	Tobramycin 0,3%	Tobramycin	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Lọ	100
212	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Alcon	Hoa Kỳ	Lọ	50
213	Myderison	Tolperison	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Meditop Pharmaceutical Ltd	Hungary	Viên	1200
214	Oracortia	Triamcinolon	Mỗi 100g chứa: Triamcinolon acetonid 0,1g; gói 1g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Việt Nam	Gói	500
215	Proctolog	Trimebutine, Ruscogenines	120mg; 10mg	Đặt hậu môn	Viên đặt	PFIZER	Pháp	Viên	200
216	Vastec	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	Uống	viên nén bao phim	Hậu Giang	Việt Nam	Viên	6000

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
217	Vastarel MR	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát 2 vi	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	viên	2000
218	Dorithricin	Tyrothricin + benzocain+ benzalkonium	0,5mg + 1,5mg + 1mg	Ngậm	Viên ngậm họng	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Germany	viên	600
219	Qcozetax	Ubidecarenon	50mg	Uống	viên nang mềm	Công ty cổ phần Hóa Dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	600
220	Cardioton	Ubidecarenon + Vitamin E	30mg + 6,71mg	Uống	Viên nang mềm	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Australia	viên	600
221	Vincozyn plus	Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin PP + Vitamin B6 + Vitamin B5	(10mg+5,47mg+40mg+4mg+6mg)/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	320
222	ENERVON	Vitamin C; Vitamin B1; Riboflavin; Niacinamide; Pyridoxin hydroclorid; Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	500mg; 50mg; 20mg; 50mg; 5mg; 5mcg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	1500
223	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	lọ	50
224	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	lọ	50
225	Coveram 5mg/5mg	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg; 5mg	Uống	Viên nén	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	viên	1200
226	Coversyl 5mg	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	1800
227	Natrixam 1.5mg/5mg	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	1500

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN  
(KÈM THEO YÊU CẦU BÁO GIÁ SỐ: 192/YC-BVNTH NGÀY 25/11/2025 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM TIỀN HẢI)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
	Prospan Cough Syrup	Cao khô lá thường xuân	525-75ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co..KG	Germany	Hộp 01 chai 85ml	100
2	Boganic	Cao khô Actiso EP + Cao khô rau đắng đất 8:1 + Cao khô bìm bìm (Hàm lượng acid chlorogenic $\geq$ 0,8%)	85mg + 64mg + 6,4mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	5.000
3	Boganic forte	Cao khô Actiso EP + Cao khô rau đắng đất 8:1 + Cao khô bìm bìm (Hàm lượng acid chlorogenic $\geq$ 0,8%)	170mg + 128mg + 13,6mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	8.000
4	Cebraton	Cao đặc rễ đinh lăng 5:1 + Cao khô lá bạch quả (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq$ 24%)	300mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	5.000
5	Hoạt huyết dưỡng não	Cao đặc rễ đinh lăng 5:1 + Cao khô lá bạch quả (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq$ 24%)	150mg + 5mg	Uống	Viên bao phim	Công ty cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	5.000
6	Long huyết P/H	Huyết giác.	280mg (4g)	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Việt Nam	Viên	2.400
7	Dầu phật linh	Bạc Hà 55ml, Đinh hương 3ml, Long não 2g, Methol 20g, Khuyh điệp 2ml	1,5ml	Xoa bóp	Dung dịch dầu xoa	ĐND Trường Sơn - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 Lọ 1,5ml	500
8	Mộc hoa trắng	Cao đặc mộc hoa trắng + Berberin + Cao đặc mộc hương	136mg + 5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CP dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Viên	500
9	Bảo Thanh Ngâm Xanh Hoa Linh	Bảo Thanh Ngâm Xanh Hoa Linh	2,5g	Ngâm	Viên nén bọc đường	Hoa Linh	Việt Nam	Viên	1.000
10	Siro ho Haspan	Lá Thường xuân	Mỗi chai 100ml chứa: Cao khô lá thường xuân (tương đương 3,62g lá thường xuân) 700mg	Uống	Siro	Nhà máy HDPHARMA EU-Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Chai	50
11	Tiêu đường kháng KB	Cao khô hỗn hợp dược liệu: Khô qua 1,5g, Dây thìa canh 1g, lá lốt 1g, cát căn 0,6g, Kim ngân hoa 0,8g, Sinh địa 0,6g Bô công anh 0,6g	Cao khô hỗn hợp dược liệu: Khô qua 1,5g, Dây thìa canh 1g, lá lốt 1g, cát căn 0,6g, Kim ngân hoa 0,8g, Sinh địa 0,6g Bô công anh 0,6g	Uống	Viên	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA	Việt Nam	Viên	3.000
12	Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra	Cao Kha tử 2,5:1, Bột Mộc hương, Cao Hoàng liên 5,5:1, Bạch truật, Cao Cam thảo 3,5:1, Bột Bạch thực.	260mg + 250mg + 52mg + 24mg + 50mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	1.000



Phụ lục III: Mẫu báo giá (Kèm theo yêu cầu báo giá số: 192/YC-BVNTH ngày 25/11/2025)

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp:

Địa chỉ:

SĐT liên hệ:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: 192/YC-BVNTH ngày 25/11/2025 của Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải, chúng tôi ..... (ghi tên công ty) báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc:

STT	STT Yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu (nếu có)				
													Giá trúng thầu	Số quyết định trúng thầu	Ngày tháng trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 120 ngày kể từ ngày 04/12/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi GCNĐK Doanh nghiệp hoặc GCNĐK Hộ kinh doanh hoặc các tài liệu khác;

không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;

- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng giá khống;

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin trên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP**